

Tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn năm 2015 và công tác phòng, chống

Tổng cục Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp & PTNT)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT, NGUỒN NƯỚC, XÂM NHẬP MẶN

1. Nguồn nước hiện tại

a) Lượng mưa

Từ đầu năm đến cuối tháng 3/2015, tổng lượng mưa đo được ở khu vực Bắc Bộ hầu hết cao hơn trung bình nhiều năm cùng kỳ và Trung Bộ từ Thanh Hóa đến Phú Yên (trừ tỉnh Quảng Trị) ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn Trung bình nhiều năm (TBNN); các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, khu vực Tây nguyên và Nam bộ thấp hơn TBNN, đặc biệt một số điểm không mưa, như: Phan Rang, Phan Thiết, Phú Quý, Pleiku, Buôn Ma Thuột, Bạc Liêu, Cao Lãnh, Châu Đốc, Cần Thơ 0% (không có mưa); một số điểm lượng mưa thấp hơn so với cùng kỳ nhiều năm, như: Đông Hà 20 mm (tương đương 18%), Nha Trang 41 mm (43%), Đà Lạt 30 mm (37%), Bảo Lộc 54 mm (29%), Đồng Phú 8 mm (13%), Sóc Trăng 3 mm (13%), Mỹ Tho 5 mm (45%).

Trong các ngày từ 24 đến 28/3, tại khu vực Trung bộ từ Thanh Hóa đến Quảng Ngãi (trừ Quảng Trị) có mưa tương đối khá, lượng mưa phổ biến đạt từ 50-100 mm, một số trạm có lượng mưa tương đối lớn, tổng cộng từ ngày 0h ngày 24/3 đến 7h sáng ngày 30/3 như sau: A Lưới 344 mm, Huế 332 mm, Thành Mỹ 272 mm, Ái Nghĩa 178 mm, Trà My 413 mm, Nông Sơn 473 mm, Đà Nẵng 267 mm, Tam Kỳ 371 mm, Sơn Giang 469 mm, Ba Tơ 718 mm, An Chi 259 mm; các tỉnh Quảng Trị, Bình Định, Phú Yên, lượng mưa phổ biến đạt dưới 50 mm; tỉnh Khánh Hòa có mưa nhỏ tại một số trạm (Nha Trang 13mm, Cam Ranh 7,1 mm); các tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận không có mưa.

Ở khu vực Tây nguyên, có mưa cục bộ tại các điểm sau: Kon Tum 67 mm, Đắk Tô 8,3 mm, Yaly 8 mm, An Khê 47 mm, MĐrăk 5,5 mm, Đại Nga 12 mm, Đắk Nông 68 mm, Đà Lạt 3 mm, Bảo Lộc 24,6 mm, Cát Tiên 12,5 mm.

b) Dung tích trữ các hồ chứa thủy lợi

Lượng nước trữ tại các hồ chứa thủy lợi hiện nay ở mức thấp hơn dung tích thiết kế (DTTK). Cụ thể cho từng khu vực như sau:

- Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ: Dung tích trữ các hồ chứa vừa và lớn ở Bắc Bộ đạt 57%, Bắc Trung Bộ đạt 70% so với DTTK.

- Nam Trung bộ: Dung tích trữ ở Ninh Thuận và Khánh Hòa đang ở mức rất thấp so với DTTK (Ninh Thuận đạt 12%, Khánh Hòa đạt 29,15%), một số hồ đã cạn nước, cụ thể:

Tỉnh Khánh Hòa: Một số hồ lớn có dung tích trữ thấp: Suối Hành **0,35/9,49** triệu m³ (3,70%), Suối Trầu **0,30/9,81** triệu m³ (3,06%), Cam Ranh **2,15/22,10** triệu m³ (9,74%).

Tỉnh Ninh Thuận: 4/20 hồ đã cạn nước, dung tích còn lại của một số hồ lớn: Cho Mo **1,15/8,79** triệu m³ (13%), Sông Biều **1,55/23,78** triệu m³ (4,8%), Sông Sát **4,99/69,33** triệu m³ (7,1%).

Tỉnh Bình Thuận: Dung tích trữ còn lại **21,7%** thiết kế, một số hồ lớn có dung tích trữ thấp, gồm: Cà Giây **1,86/28,51** triệu m³ (6,5%), Lòng Sông **5,9/33,69** triệu m³ (17,6%), Sông Móng **6,9/34,17** triệu m³ (20,10%), Sông Quao **18,89/67,3** triệu m³ (28,1%).

Ở các địa phương khác, dung tích trữ hiện tại ở mức trung bình 75-85% thiết kế, nhiều hồ chứa được bổ sung nước từ đợt mưa từ ngày 24-28/3/2015. So với trước đợt mưa, dung tích hồ chứa ở Quảng Trị tăng 2%, Quảng Nam tăng 13%, Quảng Ngãi tăng 5,7%, Bình Định tăng 2%.

- Tây Nguyên và Đông Nam bộ: Dung tích trữ của các hồ chứa thủy lợi đều ở mức thấp hơn so với DTTK, trung bình đạt khoảng 50-60%, một số hồ đã hết nước hoặc có dung tích trữ thấp, cụ thể tại một số địa phương:

Tỉnh Đắk Nông: có 6/160 hồ cạn nước, 76/160 hồ có mực nước thấp hơn MNDBT từ 1-2m và 78/160 hồ có mực nước thấp hơn MNDBT dưới 1m.

Tỉnh Đắk Lắk: Các hồ nhỏ phổ biến xấp xỉ mực nước chết hoặc đã cạn nước, các hồ vừa còn 30-50% DTTK, dung tích trữ hiện tại của một số hồ lớn: Ea Sup Thượng **56,25/146,94** triệu m³ (38,28%), Eakao **4,9/21,70** triệu m³ (22,56%), Krông Búk hạ **100,2/109** triệu m³ (91,93%).

Tỉnh Bình Phước: Một số hồ có dung tích trữ thấp hơn 30% như: M26, Tà Te, Suối Ông, Bù Môn, Bàu Sen, Bình Hà.

c) Dung tích các hồ chứa thủy điện

Tình hình trữ nước của một số hồ chứa thủy điện ở một số lưu vực sông dự kiến sẽ bổ sung nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh như sau:

- Lưu vực sông Thạch Hãn: Mực nước hồ chứa thủy lợi-thủy điện Quảng Trị cao hơn cùng kỳ so với năm 2014 khoảng 3,9m, dung tích hữu ích hiện tại 82,89 triệu m³ (59%);

- Lưu vực sông Vu Gia-Thu Bồn: So với năm 2014, mực nước hồ A Vương cao hơn 0,67m, Đak Mi 4A cao hơn 7,32m, Sông Tranh 2 cao hơn 9,55m; dung tích hữu ích hiện tại của các hồ: A Vương 199,28 triệu m³ (75%), Đak Mi 4A 148,31 triệu m³ (93%), Sông Tranh 2 442,49 triệu m³ (85%);

- Lưu vực sông Ba-Bản Thạch: Mực nước hồ chứa sông Hinh so với cùng kỳ với năm 2014 cao hơn 3,45m, Sông Ba Hạ cao hơn 1,92m; dung tích hữu ích hiện tại của các hồ: Sông Hinh 265,77 triệu m³ (83%), Sông Ba Hạ 71,93 triệu m³ (43%);

- Lưu vực sông Cái Phan Rang: Hồ chứa Đơn Dương có mực nước tương đương so với cùng kỳ năm 2014, dung tích hữu ích hiện tại 83,60 triệu m³ (54%).

- Lưu vực sông La Ngà –Lũy: Mực nước hồ Đại Ninh **thấp hơn** so với cùng kỳ năm 2014 là 4,50m, các hồ chứa Hàm Thuận, Đa Mi có mực nước tương tự năm 2014; dung tích hữu ích của các hồ Đại Ninh 72,57 triệu m³ (29%), Hàm Thuận 272,26 triệu m³ (52%), Đa Mi 3,69 triệu m³ (42%).

Các hồ chứa thủy điện thuộc các lưu vực sông Cái Phan Rang, La Ngà-Lũy hiện có lưu lượng nước về rất thấp, so với năm 2014 chỉ bằng khoảng 20-40%.

d) Dòng chảy sông, suối

- Khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên: Từ đầu năm 2015, dòng chảy có xu thế giảm, thiếu hụt so với TBNN từ 30-70%, riêng sông Cái Nha Trang hụt trên 80%, gần đạt mức thấp nhất lịch sử.

- Khu vực Nam bộ: Trong các tháng đầu năm 2015, dòng chảy về sông Cửu Long thiếu hụt so với TBNN từ 20-30%, tiếp tục có xu thế giảm dần.

d) Xâm nhập mặn

So với tuần thứ 4, độ mặn tuần thứ 5, tháng 3/2015 tại các khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long như sau:

- Hệ thống sông Vàm Cỏ: ranh mặn 4,0 g/l có phạm vi ảnh hưởng 77-78 km (khá sâu). Độ mặn tuần 1 tháng 4/2015 so với tuần thứ 4/tháng 3 tăng 0,9-3,2g/l.

- Vùng cửa sông Cửu Long: phạm vi xâm nhập mặn 4,0 g/l khoảng 33-40 km. Độ mặn tuần 1 tháng 4/2015 so với tuần thứ 4/tháng 3 trên các sông Cửa Tiểu, Cửa Đại và Hàm Luông tăng 1,2-4,3 g/l; còn trên các sông Cổ Chiên và sông Hậu giảm 1,2-6,3 g/l.

- Khu vực ven biển Tây, trên sông Cái Lớn: ranh mặn 4,0 g/l khoảng 42 km. Độ mặn tuần 1 tháng 4/2015 so với tuần thứ 4/tháng 3 giảm 0,4-2,6 g/l.

(Cụ thể tổng hợp lượng mưa và dung tích các hồ chứa thủy lợi

tại các Phụ lục kèm theo)

2. Tình hình hạn hán, thiếu nước

Hiện nay, các địa phương khu vực Tây Nguyên và Đông Nam bộ cơ bản hoàn thành gieo trồng vụ Đông Xuân 2014-2015, đang trong thời kỳ cấp nước tưới dưỡng cho cây trồng; khu vực Tây Nam bộ đang trong giai đoạn thu hoạch lúa Đông Xuân. Do ảnh hưởng của tình hình thời tiết không thuận lợi, tình trạng thiếu nước, hạn hán trong vụ Đông Xuân đã xảy ra ở một số địa phương khu vực Nam Trung bộ, Tây nguyên và Nam bộ, cụ thể như sau:

- Trung bộ: Do có lượng mưa bổ sung từ ngày 24-28/3, tình trạng thiếu nước, hạn hán đã xảy ra tại tỉnh Quảng Trị (bị thiếu nước 700 ha lúa tại huyện Hướng Hóa) đã được khắc phục. Tỉnh Ninh Thuận hiện tại có 6.100 ha đất lúa không có nước để sản xuất, tỉnh Khánh Hòa có 571 ha dừng sản xuất, 600 ha chuyển đổi cơ cấu cây trồng do không đủ nước tưới và khoảng 2.998 ha cây trồng đang bị hạn.

- Tây Nguyên và Đông Nam bộ: Đã xảy ra hạn hán ở một số địa phương, chủ yếu ở vùng không có công trình thủy lợi hoặc công trình thủy lợi nhỏ. Tổng diện tích bị hạn, thiếu nước là: 52.708 ha. Một số địa phương có nhiều diện tích bị hạn là: Đắk Lắk có 32.867 ha cây trồng bị hạn (lúa 7.550 ha, ngô 198 ha, rau màu: 163ha, 24.583 ha cà phê, hồ tiêu: 371ha), trong đó mất trắng 2.284 ha, thiếu nước sinh hoạt: 11.660 hộ; Bình Phước có 7.800 ha cây trồng bị thiếu nước (lúa 350 ha, 50 ha rau màu, 7.400 ha cây công nghiệp); Gia Lai có 7.152 ha cây trồng bị hạn (lúa 1.909 ha, rau màu 68 ha, cây công nghiệp 5.180ha); Đắk Nông giảm chỉ còn 1.066 ha cây trồng thiếu nước và hạn (3.442 ha tính đến 27.3.2015) do có mưa một số nơi.

Diện tích cây trồng bị hạn, thiếu nước tại các một số địa phương khu vực Tây nguyên và Đông Nam bộ chủ yếu là các cây trồng cạn dài ngày, nếu bị mất trắng (cây chết) sẽ bị thiệt hại lớn do chi phí đầu tư, chăm sóc trong nhiều năm.

- Khu vực Tây Nam bộ: Đã xảy ra tình trạng thiếu nước tưới cho lúa ở một số địa phương do ảnh hưởng của xâm nhập mặn lên cao. Tại Tiền Giang, hiện có 180ha (1.049 ha tính đến 27.3.2015) lúa bị thiếu nước; 581 ha lúa tại tỉnh Bến Tre bị hạn, ảnh hưởng đến năng suất (trong đó mất trắng 68ha); tại Trà Vinh có 10.000 ha lúa, Sóc Trăng có 7.000 ha lúa bị thiếu nước vào thời gian cuối tháng 2 và đầu tháng 3/2015, hiện nay đã khắc phục xong.

(Chi tiết diện tích bị hạn hán, thiếu nước tại Phụ lục kèm theo)

II. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN, THIẾU NƯỚC

1. Nhận định tình hình thời tiết, nguồn nước

Theo báo cáo mới nhất của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương (ngày 17/3/2015), hiện tượng ENSO đang ở trạng thái trung gian nhưng nghiêng về pha nóng, El Nino sẽ tiếp tục ảnh hưởng trong mùa khô năm 2015. Trên thực tế, từ cuối năm 2014, ở khu vực Trung bộ, nắng nóng kéo dài, mùa mưa đến tương đối muộn, khu vực Tây nguyên và Nam bộ, mùa mưa kết thúc sớm, khẳng định El Nino đã ảnh hưởng đến nước ta.

a) Nhiệt độ: Nắng nóng khu vực Trung bộ khả năng xuất hiện sớm, nhiệt độ trung bình từ tháng 5 đến tháng 10/2015 cao hơn TBNN từ 0,5-1,0⁰C, xuất hiện nhiều hơn nhưng ít gay gắt và kéo dài như năm 2014; khu vực Tây nguyên và Nam bộ ít biến động.

b) Mưa: Ở khu vực Nam Trung bộ, từ tháng 4 đến tháng 10/2015, lượng mưa thiếu hụt so với TBNN, mùa mưa có khả năng từ nửa cuối tháng 9/2015 mới xuất hiện. Khu vực Tây nguyên và Nam bộ, từ nay đến cuối tháng 5/2015 lượng mưa tiếp tục bị thiếu hụt, sau đó lượng mưa được cải thiện nhưng vẫn thấp hơn TBNN, từ tháng 8 đến tháng 10, lượng mưa xấp xỉ TBNN.

c) Dòng chảy: Từ cuối tháng 3 đến tháng 8/2015, dòng chảy trên các sông ở Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên tiếp tục giảm mạnh, khả năng sẽ xuất hiện mực nước thấp nhất trong chuỗi số liệu quan trắc cùng thời kỳ hoặc thấp nhất lịch sử. Cụ thể như sau:

- Trung bộ: Các sông từ Quảng Bình đến Bình Thuận sẽ thiếu hụt so với TBNN cùng kỳ từ 60-80%, riêng các sông ở Khánh Hòa và Ninh Thuận thấp hơn từ 80-90%. Nhiều khả năng ở hạ lưu các sông sẽ xuất hiện mực nước thấp nhất trong chuỗi số liệu quan trắc cùng thời kỳ.

- Tây nguyên: Dòng chảy các sông đầu mùa khô, so với TBNN, sẽ thấp hơn khoảng 30-40% và khoảng 20% trong thời gian cuối mùa khô.

- Nam bộ: Từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 5/2015, dòng chảy hạ lưu sông Mê Kông tiếp tục giảm; mực nước đầu nguồn sông Cửu Long chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều. Mực nước tháng 4/2015 có khả năng thấp hơn TBNN từ 0,1-0,2m, từ tháng 5-6/2015 ở mức xấp xỉ TBNN.

Nhìn chung, trong mùa khô năm 2015, các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, khu vực Tây Nguyên và Nam bộ có xu hướng tiếp tục thiếu hụt mưa và dòng chảy.

2. Nhận định tình hình thiếu nước, hạn hán, xâm nhập mặn

Trên cơ sở nguồn nước hiện tại và dự báo tình hình thời tiết, nguồn nước trong thời gian tới, tình hình thiếu nước, hạn hán và xâm nhập mặn khả năng xảy ra như sau:

- Khu vực Trung bộ: Trừ một số diện tích thuộc các tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa đang bị thiếu nước, hạn hán; ở các địa phương khác, do có đợt mưa bổ sung từ ngày 24-28/3/2015, nước tưới cho vụ Đông Xuân sẽ được bảo đảm. Vào vụ Hè Thu, các tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa có khả năng tiếp tục xảy ra hạn hán và tỉnh Bình Thuận có nguy cơ xảy ra hạn hán cao (*nguồn nước các hồ chứa thủy lợi, thủy điện cung cấp cho tỉnh Bình Thuận hiện tại chỉ bảo đảm cung cấp đủ cho vụ Đông Xuân, vụ Hè Thu tùy vào lượng mưa bổ sung*).

- Khu vực Tây nguyên và Đông Nam bộ: Mùa khô ở khu vực Tây Nguyên và Đông Nam bộ sẽ kéo dài đến tháng 5/2015; do vậy, sẽ tiếp tục xảy ra hạn hán đến hết vụ sản xuất Đông Xuân ở một số địa phương.

- Khu vực Tây Nam bộ: Trong những ngày tới, độ mặn vùng cửa sông có xu thế tăng theo triều và đạt giá trị cao từ ngày 5 đến ngày 8/4/2015, sau đó giảm dần. Nồng độ mặn 4g/l trên hệ thống sông chính có phạm vi ảnh hưởng 40-60km (tùy cửa sông). Khả năng lấy nước ngọt theo không gian tại các cửa sông vùng ven biển ĐBSCL như sau:

+ Vùng giữa hai sông Vàm Cỏ: Khu vực lân cận Cầu Nổi không có nước ngọt; Khu vực lân cận Tân An (sông Vàm Cỏ Tây) và lân cận Bến Lức (sông Vàm Cỏ Đông), khả năng xuất hiện nước ngọt rất ít kể cả vào lúc triều thấp.

+ Vùng Cửa Sông Cửu Long: Các khu vực cách biển từ 40-50km, khả năng nguồn nước ngọt chỉ xuất hiện vào những lúc triều thấp.

+ Khu vực ven biển Tây (sông Cái Lớn): Khu vực từ cửa sông đến phạm vi 40-45km không còn khả năng xuất hiện nước ngọt; Khu vực lân cận TP. Vị Thanh độ mặn <2 g/l.

III. GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG HẠN HÁN

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Chỉ thị số 7071/CT-BNN-TCTL ngày 3/9/2014, Công điện số 10428/CD-BNN-TCTL ngày 29/12/2014 chỉ đạo các địa phương thực hiện một số giải pháp. Trong đó, bên cạnh các giải pháp chung như: bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp, tổ chức nạo vét kênh mương, sử dụng tiết kiệm nước, lắp đặt và vận hành các trạm bơm đã chiến..., một số giải pháp riêng, cụ thể cho từng địa phương đã và tiếp tục được thực hiện như sau:

1. Khu vực Bắc Bộ:

Trước tình hình có nguy cơ thiếu nước cho sản xuất, ngay từ cuối năm 2014, Tổng cục Thủy lợi đã phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Trung tâm dự báo khí tượng Thủy văn trung ương thống nhất, báo cáo Bộ Nông nghiệp & PTNT chỉ đạo các địa phương khu vực Trung du đồng bằng Bắc Bộ tận dụng 03 đợt tăng xả thời gian tổng cộng 15,5 ngày, Đợt 1: từ ngày 19/1 đến 23/1; Đợt 2: từ 30/1 đến

5/2; Đợt 3: từ 13/2 đến 16/2/2015 của các hồ chứa thủy điện Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang để đảm bảo cấp nước phục sản xuất cho trên 630.000 ha đất lúa, hàng trăm ngàn ha rau màu và dân sinh.

Trong thời gian 3 đợt lấy nước, mực nước sông Hồng tại Hà Nội đã được duy trì ở mức trung bình cao hơn +2,2m, cụ thể: trung bình Đợt 1 là **2,32m**, Đợt 2 là **2,34m**, Đợt 3 là **2,22m**. Đặc biệt, trong Đợt 1 và Đợt 2, mực nước tại Hà Nội được điều tiết đạt +2,2m sớm hơn kế hoạch (15 giờ ở Đợt 1 và 8 giờ của Đợt 2). Tổng lượng xả của các hồ chứa thủy điện 3 Đợt là **5,07** tỷ m³ nước (Đợt 1 là **1,58** tỷ m³, Đợt 2 là **2,22** tỷ m³, Đợt 3 là **1,26** tỷ m³).

2. Khu vực Trung bộ: Các địa phương khu vực Trung bộ đã chủ động triển khai các Chỉ thị và Công điện của Bộ nên đã hạn chế được nhiều thiệt hại có thể xảy ra, mặc dù vậy tại một số địa phương do tình hình thời tiết xảy ra qua khắc nghiệt đã dẫn đến tình trạng hạn hán vẫn xảy ra gay gắt, hiện nay Tổng cục Thủy lợi tiếp tục phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tăng xả qua phát điện của các nhà máy thủy điện để các địa phương hạ du tận dụng lấy nước chống hạn, cụ thể:

a) Tỉnh Ninh Thuận: Diện tích gieo trồng thuộc 2 vùng chính là khu tưới do các đập dâng trên sông Cái Phan Rang phụ trách (các hệ thống thủy lợi Nha Trinh – Lâm Cẩm và Sông Pha) và khu tưới do các hồ chứa thủy lợi phụ trách. Giải pháp tưới cho từng vùng như sau:

- Khu tưới thuộc các hệ thống thủy lợi Nha Trinh – Lâm Cẩm và Sông Pha (tổng diện tích khoảng 16.000 ha) đã và tiếp tục được bổ sung nguồn nước từ hồ chứa Đơn Dương, thuộc hệ thống sông Cái Phan Rang, bảo đảm đủ nguồn nước phục vụ tưới cho vụ Đông Xuân.

Cụ thể, lịch điều tiết nước của hồ chứa Đơn Dương đã được Tổng cục Thủy lợi, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận thống nhất như sau:

Hồ chứa thủy điện	Thời gian	Yêu cầu vận hành
Đơn Dương	Từ 1/4 đến 15/4/2015	Lưu lượng xả nước từ 17 m ³ /s đến 18 m ³ /s
	Từ 16/4 đến 15/5/2015	Lưu lượng xả nước 8 m ³ /s
	Từ 16/5 đến 31/5/2015	Lưu lượng xả nước từ 15 m ³ /s đến 17 m ³ /s
	Từ 1/6/2015 đến 31/8/2015	Tùy thuộc khả năng nguồn nước sẽ vận hành điều tiết phù hợp với nhu cầu dùng nước.

Dung tích trữ hiện tại của hồ chứa Đại Ninh và dự kiến lượng nước về chỉ bảo đảm đủ cung cấp nước cho vụ Đông Xuân. Kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu

2015 của tỉnh Ninh Thuận phải căn cứ vào lượng nước về hồ chứa thủy điện trong các tháng 5, 6, 7, 8.

- Các khu tưới do hồ chứa thủy lợi hiện đang bị cạn kiệt nguồn nước, hầu hết diện tích đã dừng sản xuất (tổng cộng 6.100 ha); các khu vực này cần cân đối nguồn nước, ưu tiên nước cho sinh hoạt, gia súc, chỉ gieo trồng khi có nguồn nước bảo đảm cả vụ.

b) Tỉnh Khánh Hòa: Không được bổ sung nguồn nước từ các hồ chứa thủy điện nên phụ thuộc hoàn toàn vào nước từ các hồ chứa thủy lợi và nguồn nước trong sông suối nội địa. Cần tiếp tục tăng cường nạo vét, khơi thông kênh, rạch, lắp đặt hệ thống bơm dã chiến, chuyển đổi cơ cấu cây trồng hoặc dừng sản xuất,...v.v.

c) Tỉnh Bình Thuận: Khu vực có thể bổ sung nước từ nước từ các hồ chứa thủy điện lưu vực sông La Ngà-Lũy khoảng 35.000 ha, cho các huyện Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình, La Ngà của tỉnh Bình Thuận. Lịch điều tiết nước của hồ chứa Đại Ninh, Hàm Thuận, Đa Mi đã được Tổng cục Thủy lợi, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Thuận thống nhất như sau:

Hồ chứa thủy điện	Thời gian	Yêu cầu vận hành
Đại Ninh	Từ 1/4 đến 30/4/2015	Lưu lượng xả nước 9 m ³ /s
	Từ 1/5 đến 31/5/2015	Lưu lượng xả nước từ 12 m ³ /s đến 15 m ³ /s, thời gian xả tối thiểu 12giờ/ngày
	Từ tháng 6/2015 đến 31/8/2015	Tùy thuộc khả năng nguồn nước sẽ vận hành điều tiết phù hợp với nhu cầu dùng nước
Hàm Thuận - Đa Mi	Từ 1/4 đến 30/4/2015	Lưu lượng xả nước 30 m ³ /s, thời gian xả tối thiểu 12giờ/ngày
	Từ 1/5 đến 15/5/2015	Lưu lượng xả nước 37 m ³ /s, thời gian xả tối thiểu 12÷14 giờ/ngày
	Từ 16/5 đến 31/5/2015	Lưu lượng xả nước 35 m ³ /s, thời gian xả tối thiểu 12÷14 giờ/ngày
	Từ tháng 6/2015 đến 31/8/2015	Tùy thuộc khả năng nguồn nước sẽ vận hành điều tiết phù hợp với nhu cầu dùng nước

Do dung tích trữ hiện tại của hồ chứa Đại Ninh và lượng nước về các hồ chứa đang ở mức thấp (bằng 20-40% năm 2014), nguồn nước chỉ bảo đảm cung cấp đến hết vụ Đông Xuân. Kế hoạch sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu 2015 của tỉnh Bình Thuận phải căn cứ vào lượng nước về hồ chứa thủy điện trong các tháng 5, 6, 7, 8.

d) Các địa phương khác: Với các khu vực có công trình thủy lợi, cần tận dụng tối đa nguồn nước tự nhiên còn lại từ ao, hồ, sông suối, kênh rạch để cung cấp cho sản xuất vụ Đông Xuân, tiết kiệm nguồn nước từ các hồ chứa thủy lợi để dành cung cấp cho vụ Hè Thu. Một số lưu vực sông có các hồ chứa thủy điện ở thượng

nguồn, sẽ được điều tiết phù hợp với yêu cầu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh, cụ thể như sau:

- Lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn: Cung cấp nước từ các hồ chứa Đắc Mi 4, Sông Tranh 2, A Vương cho tỉnh Quảng Nam và Thành phố Đà Nẵng, diện tích tổng cộng khoảng 23.600 ha (Quảng Nam 21.000 ha, Đà Nẵng 2.600 ha).

- Lưu vực sông Ba – Bàn Thạch: Cung cấp nước cho hệ thống thủy lợi Đồng Cam, tỉnh Phú Yên, diện tích tổng cộng khoảng 14.000 ha.

So sánh với cùng kỳ năm 2014, dung tích trữ của các hồ chứa thủy điện thuộc các lưu vực trên đều cao hơn, lượng nước về hồ đang ở mức khá. Như vậy, các khu vực được cung cấp nước từ các hồ chứa thủy điện sẽ được bảo đảm đủ nước cho cả vụ Đông Xuân và Hè Thu.

2. Khu vực Tây nguyên và Đông Nam bộ

a) Tỉnh Đắk Lắk, Tỉnh Đắk Nông: Một số hồ chứa thủy lợi lớn hiện lượng nước trữ tương đối khá, có nhiệm vụ bổ sung nước tiếp nguồn nước cho các khu vực khác bằng cách xả nước xuống hệ thống sông, suối để tạo nguồn cho các công trình lấy nước (bơm, đập dâng...). Với các khu vực nguồn nước đang bị cạn kiệt, cần tăng cường lắp đặt các trạm bơm dã chiến để bơm nước chết của hồ chứa, ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, gia súc, cây công nghiệp dài ngày (cà phê, hồ tiêu, v.v...)

Lịch điều tiết nước hồ chứa thủy điện Buôn Tua Srah (trên sông Sreпок) đã được Tổng cục Thủy lợi, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông, Đắk Lắk thống nhất như sau:

Hồ chứa thủy điện	Thời gian	Yêu cầu vận hành
Buôn Tua Srah	Từ 01/4 đến 20/4/2015	Lưu lượng xả nước tối thiểu 60 m ³ /s, thời gian bắt đầu từ 6h sáng, duy trì xả ít nhất 14 giờ/ngày

Với lịch điều tiết như trên, sẽ bảo đảm cung cấp đủ nước đến hết vụ Đông Xuân 2014-2015 cho khoảng hơn 2.000 ha cây trồng ở hạ du nhà máy thủy điện Buôn Tua Srah.

b) Tỉnh Bình Phước: Các diện tích không bảo đảm nguồn nước cần dừng sản xuất hoặc chuyển đổi cây trồng. Giai đoạn thiếu nước gay gắt vào cuối tháng 3 đầu tháng 4, cần lập kế hoạch phối hợp với các nhà máy thủy điện trên sông Bé, như: Thác Mơ, Cần Đơn, Sok Phu Miêng để tăng xả qua phát điện tạo nguồn nước cho hạ du.

(Cụ thể tính toán cân bằng nước của các lưu vực sông Vu Gia-Thu Bồn, Ba-Bàn Thạch, Cái Phan Rang, La Ngà – Lũy, Buôn Tua Srah

tại Phụ lục kèm theo)

3. Khu vực Tây Nam bộ

a) Tỉnh Tiền Giang: Hiện tại, cống ngăn mặn Xuân Hòa đã đóng nên mực nước nội đồng trong các kênh trục chính hạ thấp nhanh. Các khu vực xa nguồn nước cần tổ chức bơm chuyên (bơm 2 cấp) tại các huyện Gò Công Tây, Gò Công Đông và Thị xã Gò Công. Các địa phương trong vùng ngọt hóa cần ưu tiên tập trung bơm, trữ nước vào ruộng để dành tưới cho các thời kỳ khô hạn. Khu vực thiếu nước sinh hoạt tại huyện Tân Phú Đông cần chủ động bơm trữ nước vào các ao chứa.

b) Tỉnh Bến Tre: Đắp các đập tạm, bờ vùng, bờ thửa cục bộ, thường xuyên theo dõi tình hình ô nhiễm bên trong nội đồng các cống để có kế hoạch vận hành lấy, thoát nước hợp lý. Quản lý chặt chẽ để không sản xuất lúa ngoài vùng quy hoạch, vùng có nguy cơ thiếu nước và nhiễm mặn, khuyến cáo người dân thực hiện việc xuống giống đúng lịch thời vụ; tổ chức chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thiếu nước, hạn hán, xâm nhập mặn.

c) Các địa phương khác: Huy động mọi nguồn lực phương tiện nạo vét, khơi thông dòng chảy, chuẩn bị lắp đặt các phương tiện bơm chống hạn, tuyên truyền, vận động nhân dân tập trung tham gia phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, tăng cường thực hiện tưới tiết kiệm nước. Theo dõi chặt chẽ diễn biến xâm nhập mặn, tranh thủ, vận hành linh hoạt các cống để lấy ngọt, tháo nước hợp lý để đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất, dân sinh.

IV. CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG HẠN HÁN, XÂM NHẬP MẶN:

Để bảo đảm công tác phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn trước mắt và lâu dài hiệu quả, Tổng cục Thủy lợi kiến nghị thực hiện một số giải pháp sau:

1. Trước mắt

- Trên cơ sở khả năng cân đối của nguồn nước, bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý; các vùng thường xuyên thiếu nước tưới, xem xét chuyển đổi sang cây trồng cần sử dụng ít nước tưới hơn hoặc không canh tác để đảm bảo hiệu quả sản xuất; Lựa chọn các giống chịu hạn mặn, sử dụng các loại cây trồng tốn ít nước.

- Chủ động tổ chức nạo vét hệ thống kênh mương, các cửa vào cống lấy nước, khơi thông dòng chảy, lắp đặt phương tiện lấy nước...v.v để chủ động vận hành, đảm bảo đủ điều kiện dẫn nước thông thoáng từ đầu mối tới mặt ruộng, tận dụng mọi nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt;

- Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất. Phối hợp giữa các địa phương và tập trung sử dụng nhiều nguồn vốn, huy động mọi nguồn lực phương tiện nạo vét, khơi thông dòng chảy, chuẩn bị lắp đặt các phương tiện bơm chống hạn.

- Tận dụng nguồn nước sông suối sẵn có, sử dụng nước tiết kiệm, đặc biệt là nước hồ để phòng hạn hán xảy ra.

- Bố trí kinh phí thường xuyên để giám sát mặn, đặc biệt là đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành sản xuất kịp thời có hiệu quả.

- Phối hợp với cơ quan Dự báo khí tượng thủy văn cập nhật Dự báo dài hạn, ngắn hạn và cập nhật thông tin độ mặn (trong ngày) trên các phương tiện thông tin đại chúng (Đài phát thanh, truyền hình...). Tổ chức tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho người dân về tình hình hạn hán, xâm nhập mặn, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Điều chỉnh, bổ sung các dự án khuyến nông về tưới tiên tiến, tiết kiệm nước ở các vùng thường xuyên bị khô hạn (Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa, một số tỉnh khu vực Tây nguyên, v.v);

- Đề xuất chính sách hỗ trợ cho các địa phương bị thiệt hại khi phải dừng sản xuất nông nghiệp, chi phí cung cấp nước cho người và gia súc khi bị ảnh hưởng của hạn hán;

- Thực hiện các dự án tưới tiên tiến, tiết kiệm nước ở các vùng khô hạn bằng cách lồng ghép vào các dự án đang thực hiện và chuẩn bị đầu tư dự án mới;

2. Lâu dài:

- Đề nghị Chính phủ xem xét đầu tư các Dự án xây dựng đập ngăn mặn, trữ ngọt trên dòng chính sông Hồng để phục vụ sản xuất dân sinh có hiệu quả.

- Đầu tư các công trình thủy lợi để khép kín các hệ thống, tạo điều kiện vận ngăn mặn, chủ động vận hành lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và cấp nước phục vụ dân sinh (dự án Cái Lớn, cái Bé, dự án Bắc Bến Tre, Âu Thuyền Ninh Quới...).

- Sửa chữa, nâng cấp, chuyển đổi hệ thống công đóng mở tự động bằng thủy triều sang đóng mở cưỡng bức để chủ động trong vận hành, kịp thời ngăn mặn trữ ngọt phục vụ sản xuất dân sinh.

- Vận động vay vốn ODA cho một dự án ứng phó hạn hán ở khu vực thường xuyên khô hạn (Nam Trung bộ và Tây Nguyên).

- Tổng kết, nghiên cứu, đánh giá, từng bước đầu tư thích hợp xây dựng phần mềm điều hành hệ thống, hệ thống giám sát SCADA trợ giúp công tác quản lý vận hành hiệu quả, kịp thời.